TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **69**/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 08- 7-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Ngọc

2. Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 352/2021/TLST- HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐXX - ST ngày 06 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Như P, sinh năm 1999

Địa chỉ: Khu A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* Anh Bùi Thanh T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/8/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Như P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh Bùi Thanh T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Phước vào ngày 06/9/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng

quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P không thể tiếp tục chung sống với anh T thêm nữa. Chị P và anh T đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay, không còn quan tâm, liên lạc hỏi han nhau nữa. Nay chị P yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị P và anh T có một người con chung là cháu Bùi Thanh Q, sinh ngày 02/12/2018. Khi ly hôn chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi cháu thành niên.

Về vấn đề cấp dưỡng: Tại đơn khởi kiện, chị P yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Q trưởng thành. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án thì chị P không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu Q nữa.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị P xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn chị P cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính giấy đăng ký kết hôn; bản sao chứng minh nhân dân, bản sao hộ khẩu; bản sao giấy khai sinh của cháu Q. Ngoài ra, chị P không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

Bị đơn anh Bùi Thanh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị P, bị đơn anh T đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Đối với sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định, nguyên đơn vắng mặt và đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Như P, về con chung giao cháu Bùi Thanh Q, sinh ngày 02/12/2018 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Như P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bùi Thanh T. Hiện nay bị đơn đang cư trú tại thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng.

Đối với việc vắng mặt của chị Nguyễn Như P và anh Bùi Thanh T. Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên chị P đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, còn anh T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với bản gốc giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 06/9/2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước đã được chị P cung cấp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn gia đình: Theo trình bày của chị P thì thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị P và anh T đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay, không còn liên lạc quan tâm đến nhau. Xét thấy việc mâu thuẫn vợ chồng như chị P trình bày là phù hợp với kết quả xác minh tình trạng hôn nhân ngày 05/7/2022 tại địa phương. Do đó, mâu thuẫn gia đình giữa chị P và anh T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng muốn ly hôn của chị P.

[4] Về con chung: Chị P và anh T có một người con chung là cháu Bùi Thanh Q, sinh ngày 02/12/2018. Xét thấy từ khi sống ly thân với anh T thì cháu Q do chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên cần chấp nhận yêu cầu của chị P, giao cháu Q cho chị P nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Như P về việc ly hôn. Chị P được ly hôn với anh Bùi Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thanh Q, sinh ngày 02/12/2018 cho chị Nguyễn Như P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Quang đủ 18 tuổi;

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu toà án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000018 ngày 12/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- UBND thị trấn Đức Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Đào